**Phụ lục 2**

**CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG THÔNG TƯ “QUY ĐỊNH VỀ THUÊ BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA”**

*(Kèm theo Tờ trình Bộ số ………/TTr-KH ngày ……../2024 của Tổng cục DTNN)*

*(Lấy ý kiến tham gia của các bộ, ngành quản lý hàng DTQG)*

| **TT** | **Thông tư số 172/2013/TT-BTC** | **Cơ sở pháp lý; Nội dung rà soát;**  **Nội dung giải trình; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.** | **Dự thảo Thông tư thay thế** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1.** | **Tên gọi của Thông tư:**  **Thông tư Quy định** **về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia** | **Về tên gọi Thông tư: Giữ nguyên** | **Tên gọi của Thông tư**  **Thông tư Quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia** |
| **2.** | **Căn cứ pháp lý:**  *Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 ngày 20/11/2012;*  *Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*  *Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia;*  *Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;*  *Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia như sau:* | **Về Căn cứ pháp lý của Thông tư**  **1. Nội dung rà soát những tồn tại, vướng mắc:**  Căn cứ pháp lý để ban hành Thông tư 172/2013/TT-BTC gồm: Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 ngày 20/11/2012; nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia; nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.  Tuy nhiên, từ năm 2013 đến nay, cơ chế chính sách có nhiều thay đổi, một số căn cứ pháp lý đã không còn phù hợp, cần được thay thế và bổ sung như:  (1) Thay thế Nghị định số 118/2008/NĐ-CP của Chính phủ bằng Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính mới được ban hành;  (2) Bổ sung Nghị định số 128/2015/NĐ-CP ngày 15/12/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung danh mục chi tiết hàng DTQG và phân công cơ quan quản lý hàng DTQG ban hành kèm theo Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013;  (3) Bổ sung Nghị định số 56/2021/NĐ-CP ngày 31/5/2021 của Chính phủ quy định chi tiết Nghị quyết số 1024/2020/UBTVQH14 ngày 09/10/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung nhóm hàng vật tư, thiết bị y tế vào Danh mục hàng DTQG;  (4) Pháp luật về đấu thầu mới được Quốc hội ban hành năm 2023, có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 đã quy định đối tượng điều chỉnh bao gồm hoạt động “*thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia*”, cụ thể:  - Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 quy định tại *Điều 2. Đối tượng áp dụng: Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu bao gồm:… thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia”*.  - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; quy định tại *Khoản 5 Điều 16: “Đối với dự toán mua sắm, chủ đầu tư được tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm này để mua sắm cho các năm tiếp theo nhằm bảo đảm việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ, xây lắp không bị gián đoạn; văn bản trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải dự kiến dự toán mua sắm cho các năm sau làm cơ sở lập giá gói thầu.”*  (\*) Theo quy định của pháp luật về đấu thầu mới ban hành thì: *(i)* Công tác thuê bảo quản hàng DTQG thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật đấu thầu mới số 22/2023/QH15; phải thực hiện thông qua đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024; *(ii)* Đối với trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm; nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo; chủ đầu tư được tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm này để mua sắm cho các năm tiếp theo nhằm bảo đảm việc cung ứng dịch vụ không bị gián đoạn; văn bản trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải dự kiến dự toán mua sắm cho các năm sau làm cơ sở lập giá gói thầu.  Nội dung này phù hợp với thực tế thực hiện thuê dịch vụ bảo quản hàng DTQG của các Bộ ngành trong nhiều năm qua góp phần bảo đảm việc cung ứng dịch vụ bảo quàn hàng DTQG không bị gián đoạn.*(Công tác thuê bảo quản chỉ được đấu thầu và thực hiện sau khi hàng DTQG trúng thầu dẫn tới thời gian thực hiện dịch vụ thuê bảo quản này thường kéo dài vượt quá năm ngân sách. Như vậy việc đấu thầu, ký hợp đồng, thanh quyết toán gặp vướng mắc khi nguồn dự toán kinh phí thuê bảo quản hàng DTQG chưa được giao trong năm kế hoạch);*  **2. Cơ sở pháp lý và nội dung đề xuất**  - Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành về dự trữ quốc gia và pháp luật về đấu thầu; sau khi rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung, thay thế một số căn cứ pháp lý cho phù hợp như đã nêu trên;  - Giữ nguyên các căn cứ: Luật DTQG và Nghị Định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013; | **Căn cứ pháp lý:**  *Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;*  *Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;*  *Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*  *Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023* *của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*  *Căn cứ Nghị định số 56/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết Nghị quyết số 1024/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung nhóm hàng vật tư, thiết bị y tế vào Danh mục hàng DTQG;*  *Căn cứ Nghị định số 128/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia kèm theo Nghị định 94/2013/NĐ-CP;*  *Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia;*  *Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;*  *Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.* |
| **3.** | **Nội dung Thông tư số 172/2013/TT-BTC** |  | **Nội dung Thông tư thay thế:** |
|  | **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG** |
| 3.1 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia giữa các bộ, ngành được Chính phủ phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia với các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. | **Về Điều 1; Điều 2**  **1. Cơ sở pháp lý;**  Căn cứ quy định của pháp luật về Dự trữ quốc gia, pháp luật về Đấu thầu, pháp luật khác có liên quan  **2. Nội dung đề xuất và giải trình:**  - Tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 172/2013/TT-BTC đã bao quát được phạm vi điều chỉnh của thông tư quy định về thực hiện thuê bảo quản hàng DTQG và quy định đầy đủ đối tượng áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.  Từ khi xây dựng, thực hiện đến nay chưa có phát sinh vướng mắc. Do vậy, cơ bản đề nghị giữ nguyên, tiếp tục áp dụng thực hiện Điều 1 và Điều 2 Thông tư 172.  - Ngoài ra, tại khoản 6 Điều 4 Luật DTQG quy định: “*6. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực tiếp quản lý hàng DTQG theo phân công của Chính phủ*”. Vì vậy, đề xuất bỏ cụm từ “…*được Chính phủ phân công”* tại Điều 1 do đã được giải thích tại Điều 4 của Luật DTQG.  Bên cạnh việc các doanh nghiệp, tổ chức đủ điều kiện thuê bảo quản hàng DTQG tuân thủ theo quy định của pháp luật về DTQG, còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật khác (*như pháp luật về đấu thầu, về dân sự, về kinh tế, về thương mại…..*). Do đó đề xuất hoàn thiện Điều 1, bổ sung quy định “*và pháp luật có liên quan*” đảm bảo nội dung dự thảo quy định đầy đủ như sau:  *“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh*  *Thông tư này quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện giữa các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia với các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật dự trữ quốc gia và pháp luật có liên quan”* | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện giữa các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia với các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật dự trữ quốc gia và pháp luật có liên quan. |
| 3.2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. |
| 3.3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Thuê bảo quản là việc các bộ, ngành được phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia thuê các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia.  2. Thời gian thuê bảo quản là thời gian được tính từ khi nhập hàng dự trữ quốc gia vào kho đến khi xuất hàng đó ra khỏi kho.  3. Thời gian tính Hợp đồng thuê bảo quản là thời gian từ thời điểm Hợp đồng thuê bảo quản có hiệu lực đến khi thanh lý Hợp đồng.  4. Nhập, xuất luân phiên đổi hàng là việc xuất bán các mặt hàng dự trữ quốc gia có thời hạn bảo quản hoặc hàng giảm chất lượng, hàng không phù hợp với tiến bộ kỹ thuật cần phải thay đổi danh mục mặt hàng để nhập hàng mới trên cơ sở đảm bảo số lượng và chất lượng hàng dự trữ quốc gia. | **Về Điều 3**  **1. Cơ sở pháp lý đề xuất sửa đổi bổ sung và hoàn thiện:**  - Căn cứ Luật DTQG (Điều 13; Điều 16; Điều 18; Điều 19; Điều 27; Điều 34; Điều 37; Điều 53);  Thông tư số 89/2015/TT-BTC hướng dẫn nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia (Điều 3) và Thông tư số 145/2013/TT-BTC ngày 21/10/2013 hướng dẫn về kế hoạch DTQG và NSNN chi cho dự trữ quốc gia quy định (Điều 4) *(để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật về dự trữ quốc gia);*  - Căn cứ Luật Đấu thầu (Điều 2); Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Điều 11); **2. Nội dung rà soát những tồn tại, vướng mắc:**  2.1. Tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 172/2013/TT-BTC giải thích 02 thuật ngữ “1. Thuê bảo quản, 2. Thời gian thuê bảo quản”: Từ khi xây dựng, thực hiện đến nay chưa có phát sinh vướng mắc. Do vậy, cơ bản giữ nguyên, tiếp tục áp dụng thực hiện. Ngoài ra, đề xuất hoàn thiện bổ sung từ ngữ phù hợp với quy định của Luật DTQG; quy định rõ hơn mốc thời gian thuê bảo quản, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.  2.2. Tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Thông tư số 172/2013/TT-BTC: Sau khi rà soát pháp luật hiện hành về dự trữ quốc gia và pháp luật về đấu thầu mới ban hành; nhận thấy có 02 giải thích từ ngữ về “Thời gian thực hiện hợp đồng” và “nhập, xuất luân phiên đổi hàng” cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, như sau:  (1). Đối vớigiải thích từ ngữ tại Khoản 3 Điều 3: *“3.Thời gian tính Hợp đồng thuê bảo quản là thời gian từ thời điểm Hợp đồng thuê bảo quản có hiệu lực đến khi thanh lý Hợp đồng”*: Sau khi Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 có hiệu thực thi hành, đến ngày 26/4/2024, Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT được ban hành hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu; trong đó tại Điều 11 quy định: “*Điều 11. Thông tin chủ yếu của hợp đồng: 1. Thông tin chủ yếu của hợp đồng gồm: số hiệu hợp đồng, chủ thể hợp đồng, giá hợp đồng, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu, thời gian thực hiện hợp đồng (là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng)….*.”  Do vậy, cần thiết sửa đổi giải thích từ ngữ “*Thời gian tính Hợp đồng thuê bảo quản”* cho phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.  (2).Đối vớigiải thích từ ngữ tại Khoản 4 Điều 3: “*4. Nhập, xuất luân phiên đổi hàng là việc xuất bán các mặt hàng dự trữ quốc gia có thời hạn bảo quản hoặc hàng giảm chất lượng, hàng không phù hợp với tiến bộ kỹ thuật cần phải thay đổi danh mục mặt hàng để nhập hàng mới trên cơ sở đảm bảo số lượng và chất lượng hàng dự trữ quốc gia*”:  Sau khi rà soát, căn cứ theo quy định của pháp luật về DTQG:  *(i) Về từ ngữ cần giải thích;* **đề xuất sửa đổi** thành “Luân phiên đổi hàng”  + Điều 37 Luật DTQG quy định: *“1. Nhập, xuất hàng DTQG theo kế hoạch, luân phiên đổi hàng DTQG được thực hiện hàng năm…. 2. Thủ tưởng bộ, ngành quản lý hàng DTQG tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng DTQG…”*  + Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 89/2015/TT-BTC ngày 11/6/2015 hướng dẫn nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia, trong đó có giải thích rõ khái niệm nhập, xuất hàng DTQG tại *“Điều 3. Giải thích từ ngữ: 1. Nhập hàng dự trữ quốc gia là hoạt động thực hiện quyết định nhập hàng DTQG của cấp có thẩm quyền, bao gồm các công việc từ khi có quyết định nhập hàng đến khi hàng DTQG được nhập vào trong kho dự trữ để thực hiện quy trình lưu kho bảo quản. 2. Xuất hàng dự trữ quốc gia là hoạt động thực hiện quyết định xuất hàng DTQG của cấp có thẩm quyền, bao gồm các công việc từ khi có quyết định xuất hàng đến khi hàng DTQG được chuyển lên phương tiện bên nhận tại cửa kho DTQG”*.  **-** Thông tư số 145/2013/TT-BTC ngày 21/10/2013 hướng dẫn về kế hoạch DTQG và NSNN chi cho DTQG quy định: *“Điều 4. Nội dung kế hoạch dự trữ quốc gia quy định tại điểm c) Kế hoạch luân phiên, đổi hàng dự trữ quốc gia bao gồm số lượng, giá trị những mặt hàng đến thời hạn xuất luân phiên, đổi hàng trong năm kế hoạch hoặc kỳ kế hoạch để bảo đảm chất lượng hàng dự trữ quốc gia, hoặc do hàng giảm chất lượng, hàng không phù hợp với tiến bộ kỹ thuật, hoặc do thay đổi danh mục mặt hàng...”*  (\*) Như vậy: (i) Nhập; Xuất; Luân phiên đổi hàng là các hoạt động về DTQG được xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hàng năm. (ii) Tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản được thực hiện nhập, xuất, mua, bán, luân chuyển, hoán đổi hàng DTQG theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật. (iii) Các cụm từ ngữ “Nhập, Xuất hàng DTQG” đã được giải thích tại Điều 3 Thông tư số 89; (iv) Còn từ ngữ “Luân phiên đổi hàng” chưa được giải thích tại văn bản nào.  Do đó, đề xuất sửa đổi giải thích cụm từ “Nhập, xuất luân phiên đổi hàng” thành giải thích cụm từ “Luân phiên đổi hàng” trên cơ sở quy định của Luật DTQG;  *(ii) Về nội dung*, **đề xuất bỏ cụm từ** “hoặc do thay đổi danh mục mặt hàng” để phù hợp với quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia. **Và bổ sung cụm từ** “quy định tại Thông tư này” với phạm vi chỉ tập trung điều chỉnh về hoạt động thuê bảo quản hàng DTQG; cụ thể như sau:  + Căn cứ Luật DTQG quy định:  Tại điểm c **khoản 1 Điều 12**. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “1. Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: c) *Điều chỉnh Danh mục* hàng dự trữ quốc gia.”  Tại điểm đ **khoản 1 Điều 13**. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: “1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: đ) *Trình* *Ủy ban thường vụ Quốc hội* *điều chỉnh Danh mục* hàng dự trữ quốc gia;”  Tại khoản 1**, khoản 2 Điều 16**. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quy định: “1. *Tham gia* *xây dựng* chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, *Danh mục* hàng dự trữ quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và mức dự trữ từng loại hàng dự trữ quốc gia.”; “ 2. *Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây*: a) *Phê duyệt* chiến lược dự trữ quốc gia, *kế hoạch dự trữ quốc gia* hàng năm, quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia;  Tại điểm b **khoản 3 Điều 24**. Kế hoạch dự trữ quốc gia quy định: “3. Nội dung kế hoạch dự trữ quốc gia: b) Kế hoạch tăng, giảm dự trữ quốc gia*, luân phiên đổi hàng*”;  Tại **khoản 3 Điều 27** Luật DTQG quy định về Danh mục hàng dự trữ quốc gia quy định*:* “3. Trong trường hợp cần *điều chỉnh Danh mục* hàng dự trữ quốc gia, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định”.  + Căn cứ **Nghị định số 94**/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 Quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia:  Tại **khoản 2 Điều 7**. Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia, phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia quy định: “2. Trong trường hợp cần *điều chỉnh Danh mục* hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật Dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.”  Tại **khoản 1, khoản 2 Điều 15**. *Xuất loại khỏi Danh mục* chi tiết hàng dự trữ quốc gia: “1. Hàng dự trữ quốc gia không thuộc Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia quy định tại Nghị định này thì *Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ quyết định* xuất bán *loại khỏi Danh mục* chi tiết hàng dự trữ quốc gia; phương thức xuất bán theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia. Hàng dự trữ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh xuất loại khỏi Danh mục chỉ được xuất sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh. 2. Số tiền thu được từ xuất bán hàng dự trữ quốc gia tại Khoản 1 Điều này được *nộp vào ngân sách* nhà nước.”  (\*) Theo quy định của Luật DTQG (*khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 16, khoản 3 Điều 24,**khoản 3 Điều 27*) và Nghị định 94/2013/NĐ-CP (*khoản 2 Điều 7, khoản 1 và khoản 2 Điều 15*) nêu trên thì: (1) Pháp luật dự trữ quốc gia quy định về xây dựng danh mục hàng DTQG (gọi tắt là danh mục); điều chỉnh danh mục và xuất loại khỏi danh mục; (2) Bộ ngành xây dựng danh mục hàng DTQG, trình cấp có thẩm quyền để điều chỉnh danh mục, hoặc xuất bán loại khỏi danh mục, hoặc ban hành kế hoạch tăng, giảm, luân phiên đổi hàng hàng năm; (3) Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục; (5) Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất bán loại khỏi Danh mục (*tiền thu được nộp vào ngân sách nhà nước*); quyết định ban hành kế hoạch luân phiên đổi hàng.  Như vậy, Thông tư hướng dẫn có đề cập tới nội dung “*thay đổi danh mục mặt hàng*” là chưa phù hợp với quy định của pháp luật dự trữ quốc gia (là điều chỉnh danh mục hoặc xuất loại khỏi danh mục). Bên cạnh đó, việc điều chỉnh danh mục hàng DTQG thuộc thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định, không thuộc nhiệm vụ luân phiên đổi hàng (thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ); việc xuất loại khỏi Danh mục thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên tiền thu được nộp vào NSNN, không được sử dụng mua lại hàng mới nên không thuộc nhiệm vụ luân phiên đổi hàng.  Do đó bỏ cụm từ “thay đổi danh mục mặt hàng” là phù hợp quy định của pháp luật về DTQG.  **3. Nội dung đề xuất và giải trình cụ thể:**  (1) **Kế thừa** thuật ngữ: 1. Thuê bảo quản; Lý do: Từ khi xây dựng, thực hiện đến nay chưa có phát sinh vướng mắc;  Ngoài ra đề xuất bổ sung khoản 1 từ “đủ điều kiện” vào giải thích từ “Thuê bảo quản” theo quy định tại Điều 53 Luật DTQG: “1. Thuê bảo quản là việc các bộ, ngành được phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia thuê các tổ chức, doanh nghiệp *đủ điều kiện* thực hiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia”.  (2) **Kế thừa** thuật ngữ: 2. Thời gian thuê bảo quản; Lý do: Từ khi xây dựng, thực hiện đến nay chưa có phát sinh vướng mắc;  Ngoài ra đề xuất bổ sung khoản 2 quy định rõ hơn mốc thời gian thuê bảo quản, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện như sau: “2. Thời gian thuê bảo quản là thời gian được tính từ khi nhập hàng dự trữ quốc gia vào kho đến khi xuất hàng đó ra khỏi kho. *Thời điểm nhập hàng và xuất hàng dự trữ quốc gia được thể hiện trên các chứng từ nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định pháp luật*.”  (3) **Đề xuất sửa đổi** giải thích từ ngữ Khoản 3 Điều 3 Thông tư này: “*Thời gian tính Hợp đồng thuê bảo quản...*” thành “*Thời gian thực hiện hợp đồng thuê bảo quản là số ngày tính từ ngày hợp đồng thuê bảo quản có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng”* theo đó nội dung giải thích cũng thay đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật.  *Lý do:* Phù hợp với quy định tại Điều 11 Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu: “*Điều 11. Thông tin chủ yếu của hợp đồng: 1. Thông tin chủ yếu của hợp đồng gồm: số hiệu hợp đồng, chủ thể hợp đồng, giá hợp đồng, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu,* ***thời gian thực hiện hợp đồng (là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng),*** *thời điểm hợp đồng bắt đầu có hiệu lực, danh sách nhà thầu phụ (nếu có), phạm vi công việc của hợp đồng, các thông tin khác (nếu có)”.*  (4) **Đề xuất sửa đổi** giải thích từ ngữ Khoản 4 Điều 3 Thông tư này: “Nhập, xuất luân phiên đổi hàng” **thành “Luân phiên đổi hàng”**; đồng thời **đề xuất bỏ cụm từ** “hoặc do thay đổi danh mục mặt hàng” và **bổ sung cụm từ** “quy định tại Thông tư này” với phạm vi chỉ tập trung điều chỉnh về hoạt động thuê bảo quản hàng DTQG như đã rà soát; cụ thể:*“ 4. Luân phiên đổi hàng* quy định tại Thông tư này là việc xuất bán các mặt hàng dự trữ quốc gia có thời hạn bảo quản, hoặc hàng giảm chất lượng, hoặc hàng không phù hợp với tiến bộ kỹ thuật để nhập hàng mới đảm bảo số lượng và chất lượng hàng dự trữ quốc gia.” | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  *1. Thuê bảo quản* là việc các bộ, ngành được phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia thuê các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện thực hiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia.  *2.* *Thời gian thuê bảo quản* là thời gian được tính từ khi nhập hàng dự trữ quốc gia vào kho đến khi xuất hàng đó ra khỏi kho. Thời điểm nhập hàng và xuất hàng dự trữ quốc gia được thể hiện trên các chứng từ nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định pháp luật.  3*. Thời gian thực hiện hợp đồng* *thuê bảo quản* là số ngày tính từ ngày hợp đồng thuê bảo quản có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.  *4. Luân phiên đổi hàng* quy định tại Thông tư này là việc xuất bán các mặt hàng dự trữ quốc gia có thời hạn bảo quản, hoặc hàng giảm chất lượng, hoặc hàng không phù hợp với tiến bộ kỹ thuật để nhập hàng mới đảm bảo số lượng và chất lượng hàng dự trữ quốc gia. |
|  | **Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ** |  | **Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ** |
| 3.4 | **Điều 4. Lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia:  Tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện đã được quy định tại Điều 53 Luật Dự trữ quốc gia còn phải đáp ứng được các tiêu chí sau đây:  a) Có địa điểm kho chứa hàng phù hợp với quy hoạch kho chứa hàng dự trữ quốc gia theo các vùng, khu vực chiến lược; đồng thời phải thuận tiện cho công tác bảo quản, nhập, xuất, xuất cấp khi có tình huống xảy ra;  b) Có đủ năng lực, điều kiện để thực hiện công tác xuất luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia;  c) Có đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, cần thiết phục vụ cho công tác nhập, xuất, bảo quản, an ninh, phòng chống thiên tai, hỏa hoạn và mọi sự xâm hại khác; phù hợp với tính chất lý, hóa của từng loại hàng; phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, miền và yêu cầu khác của công tác bảo quản.  2. Hình thức và trình tự lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia  a) Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành để lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia;  b) Căn cứ hình thức lựa chọn nhà thầu được áp dụng, Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tiến hành các trình tự thực hiện tương ứng với hình thức đã lựa chọn theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành để tổ chức lựa chọn nhà thầu thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia;  c) Số lượng tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao. | **Về Điều 4**  **1. Cơ sở pháp lý;**  1.1. Căn cứ Luật DTQG (Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 61, Điều 62);  **+ Điều 51** quy định về nguyên tắc và trách nhiệm trong bảo quản: “*2. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia nếu hao hụt quá định mức theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản phải bồi thường đối với số lượng hao hụt quá định mức đó; trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì đơn vị, cá nhân được trích thưởng theo quy định của Chính phủ”*  **+ Điều 52.** Trách nhiệm bảo quản hàng dự trữ quốc gia: *“1. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.* ***2.*** *Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, kiểm tra bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kịp thời ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo quản hàng dự trữ quốc gia.* ***3.*** *Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia và người trực tiếp quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia được giao.* ***4.*** *Đối với hàng dự trữ quốc gia có đặc thù về kỹ thuật, kho chứa, yêu cầu bảo quản, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật này để ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.* ***5.*** *Cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc bảo quản hàng dự trữ quốc gia của bộ, ngành, đơn vị quản lý hàng dự trữ quốc gia và tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia.”*  **+ Điều 53.** Điều kiện được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia:“*Tổ chức, doanh nghiệp được bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lựa chọn để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:* ***1.*** *Có tư cách pháp nhân;* ***2.*** *Sản xuất, kinh doanh mặt hàng phù hợp với mặt hàng được thuê bảo quản;* ***3.*** *Kho tàng, trang thiết bị phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản phù hợp với yêu cầu kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia;* ***4.*** *Đội ngũ nhân viên kỹ thuật có kinh nghiệm quản lý, chuyên môn phù hợp để đáp ứng yêu cầu bảo quản hàng dự trữ quốc gia; 5. Đủ năng lực tài chính để thực hiện hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia”.*  **+ Điều 61.** Yêu cầu đối với kho dự trữ quốc gia: “*1. Kho dự trữ quốc gia phải được xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt; từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, có công nghệ bảo quản tiên tiến, trang bị đủ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết để thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa việc nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia”.*  **+ Điều 62.** Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia:*“1. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia phải phù hợp với yêu cầu công nghệ bảo quản và đặc thù của mỗi loại hàng dự trữ quốc gia”.*  1.2. Căn cứ Luật Đấu thầu (Điều 37, Điều 39; );  **+ Điều 37**. Luật đấu thầu quy định: “*Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm. Đối với dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể được lập trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo… 2. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu, giá gói thầu trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu…”.*  **+ Điều 39**. Luật đấu thầu quy định: *“Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 1. Tên gói thầu:… 2. Giá gói thầu:… 3. Nguồn vốn: Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt… Đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo.”*  1.3. Căn cứ **Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 24** quy định: “*Đối với dự toán mua sắm, chủ đầu tư được tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm này để mua sắm cho các năm tiếp theo nhằm bảo đảm việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ, xây lắp không bị gián đoạn; văn bản trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải dự kiến dự toán mua sắm cho các năm sau làm cơ sở lập giá gói thầu.”*  1.4. Căn cứ quy định của Luật NSNN (Điều 29 và Điều 43);  **-** **Điều 29** Luật NSNN quy định: “Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương thực hiện: *Lập dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cơ quan mình; phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan trong quá trình tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương hàng năm, kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm….”*  **-** **Điều 43** Luật NSNN quy định về “K*ế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm: Là kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước được lập hằng năm cho thời gian 03 năm, trên cơ sở kế hoạch tài chính 05 năm, được lập kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu. Kế hoạch này được lập cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực và từng nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách cho từng lĩnh vực trong trung hạn.”*  **2. Rà soát Điều 4:**  Tại Điều 4 Thông tư số 172 đã cụ thể hóa, hướng dẫn các nội dung liên quan đến lựa chọn tổ chức doanh nghiệp để lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp thuê bảo quản hàng DTQG theo các Điều 52, Điều 53 Luật DTQG quy định về Trách nhiệm bảo quản hàng dự trữ quốc gia; Điều kiện được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia; Yêu cầu đối với kho dự trữ quốc gia: (1) Tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp; (2) Thẩm quyền của Thủ tưởng Bộ ngành quyết định hình thức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản.  - Về cơ bản các nội dung hướng dẫn đã giúp các Bộ, ngành lựa chọn đơn vị bảo quản được thuận lợi, chặt chẽ; từ khi xây dựng, thực hiện đến nay chưa có phát sinh vướng mắc. Tuy nhiên, qua rà soát các quy định của pháp luật hiện hành và nhu cầu thực tiễn đặt ra cho việc lựa chọn đơn vị thuê bảo quản (là hoạt động thường kéo dài hơn 01 năm, vượt quá năm ngân sách), cần thiết quy định đầy đủ các nội dung liên quan như: *Nguồn vốn; Dự toán làm cơ sở phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ thuê bảo quản hàng DTQG...* theo quy định của pháp luật về đấu thầu mới ban hành (Điều 37; Điều 39 Luật Đấu thầu số 22 và Điều 16 Nghị định số 24);  - Đối với điểm b Khoản 2 Thông tư 172, *“b) Căn cứ hình thức lựa chọn nhà thầu được áp dụng, Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tiến hành các trình tự thực hiện tương ứng với hình thức đã lựa chọn theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành để tổ chức lựa chọn nhà thầu thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia”;* còn quy địnhmang tínhchung chung, không cụ thể; không thể hiện được vai trò thông tư được ban hành ra có mục đích là hướng dẫn, giải thích chi tiết, cụ thể những quy định của các văn bản pháp luật (luật, nghị định) mang tính chung nhất, giúp cơ chế chính sách được thực hiện hiệu quả. Do vậy nội dung này không cần thiết, **đề xuất bỏ.**  - Đối với điểm c Khoản 2 Thông tư 172 “c) *Số lượng tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao.”:* Việc lựa chọn số lượng đơn vị thuê bảo quản hàng DTQG thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu thầu và pháp luật về DTQG; do vậy đề xuất gộp điểm c Khoản 2 vào khoản 1 Điều 4  - Ngoài ra, để các đơn vị nhận thuê bảo quản có kho tàng, công nghệ bảo quản phù hợp với đặc thù của mỗi loại hàng hóa, đảm bảo chất lượng hàng DTQG theo yêu cầu; cần thiết bổ sung quy định về công nghệ bảo quản phù hợp với kho bảo quản và đặc thù của hàng hóa (vào điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư 172); điều này gắn liền với tỷ lệ hao hụt, góp phần đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả trong thuê bảo quản hàng DTQG; đề xuất sửa đổi bổ sung điểm d khoản 4 Điều 4 dự thảo Thông tư trên cơ sở các Điều 51, Điều 53, Điều 61 và Điều 62 của Luật DTQG.  **3. Nội dung đề xuất và giải trình cụ thể:**  Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành về DTQG và về đấu thầu; trên cơ sở nội dung rà soát nêu trên; đề xuất sửa đổi bổ sung nội dung quy định việc lựa chọn tổ chức doanh nghiệp thuê bảo quản hàng DTQG cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật, như sau:  3.1. Sắp xếp lại vị trí các khoản mục trong Điều 4 đảm bảo tính logic;  3.2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc kế thừa:  (1) Khoản 1 (là Điểm a và Điểm c Khoản 2 Điều 4 Thông tư 172). *“1.**Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định lựa chọn số lượng tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia nêu tại khoản 3 Điều này theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Dự trữ quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành.”*  (2)Khoản 2. Quy định: “*2. Đối với mỗi gói thầu thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt; trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo. Việc thanh thoán theo từng năm được thực hiện sau khi dự toán năm được phê duyệt và theo quy định của pháp luật.*  *Chủ đầu tư được tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm này để thuê bảo quản cho các năm tiếp theo nhằm bảo đảm việc cung ứng dịch vụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia không bị gián đoạn.”*  **Đề xuất bổ sung** quy định về Nguồn Vốn và Dự toán trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê bảo quản theo quy định của pháp luật về đấu thầu mới ban hành (*Điều 37 và Điều 39 Luật Đấu thầu; Điều 16 Nghị định số 24)*; đảm bảo việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ bảo quản hàng DTQG thuận lợi, phù hợp với thực tế thực hiện thuê dịch vụ bảo quản hàng DTQG của các Bộ ngành trong nhiều năm qua, (*hàng DTQG thường có thời gian bảo quản dài ngày trên 01 năm, vượt quá năm ngân sách*); góp phần đảm bảo công tác bảo quản hàng DTQG hàng năm được thực hiện liên tục, không bị gián đoạn. Nội dung đề xuất phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, về NSNN (Điều 29 và Điều 43)  (3) Khoản 3 (là Khoản 1 Điều 4 Thông tư 172) như sau: “*Tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện đã được quy định tại Điều 53 Luật Dự trữ quốc gia còn phải đáp ứng được các tiêu chí sau đây”*  - Đề xuất tại điểm a khoản 3 Điều 4 quy định: “*a) Có địa điểm kho chứa hàng dự trữ quốc gia phù hợp với quy hoạch kho chứa hàng dự trữ quốc gia theo các vùng chiến lược; đồng thời phải thuận tiện cho công tác bảo quản, nhập, xuất, xuất cấp khi có quyết định của cấp có thẩm quyền;”*  Thay cụm từ “khi có tình huống xảy ra” thành “khi có quyết định của cấp có thẩm quyền” đảm bảo theo quy định của pháp luật về DTQG đối với hoạt động nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG.  - Đề xuất tại điểm b khoản 3 Điều 4 quy định: “*b) Có đủ năng lực, điều kiện để thực hiện công tác luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia”;*  Thay cụm từ *“xuất luân phiên đổi hàng”* thành *“luân phiên đổi hàng” do:* Tại khoản 2 Điều 19 Luật DTQG quy định các tổ chức, doanh nghiệp nhân thuê bảo quản có trách nhiệm nhập, xuất hàng DTQG theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Việc quy định “xuất luân phiên” là chưa đầy đủ theo nhiệm vụ thực hiện bao gồm cả nhập và xuất luân phiên; để nội dung hướng dẫn đảm bảo đầy đủ theo quy định của pháp luật DTQG, đề nghị bỏ từ “xuất”, và quy định là “luân phiên đổi hàng”;  - Tại điểm c khoản 3 Điều 4: Đề xuất kế thừa, giữ nguyên nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư 172 quy định: “*c) Có đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, cần thiết phục vụ cho công tác nhập, xuất, bảo quản, an ninh, phòng chống thiên tai, hỏa hoạn và mọi sự xâm hại khác; phù hợp với tính chất lý, hóa của từng loại hàng; phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, miền và yêu cầu khác của công tác bảo quản;”* Do từ khi thực hiện đến nay không có phát sinh vướng mắc.  - **Đề xuất bổ sung** nội dung về tiêu chí đáp ứng đối với Tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản tại *điểm d* *khoản 3 Điều 4 “d) Có công nghệ bảo quản phù hợp; có tỷ lệ hao hụt trong bảo quản thấp và không vượt quá định mức hao hụt theo quy định của pháp luật (nếu có); đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả trong thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.”*  **Lý do: Căn cứ Luật DTQG quy định tại:**  **- Điều 51** quy định về nguyên tắc và trách nhiệm trong bảo quản: “*2. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia nếu hao hụt quá định mức theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản phải bồi thường đối với số lượng hao hụt quá định mức đó; trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì đơn vị, cá nhân được trích thưởng theo quy định của Chính phủ”*  **- Điều 53** quy định điều kiện được thuê bảo quản: *“3. Kho tàng, trang thiết bị phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản phù hợp với yêu cầu kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia”*  **- Điều 61.** Yêu cầu đối với kho dự trữ quốc gia: “*1. Kho dự trữ quốc gia phải được xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt; từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, có công nghệ bảo quản tiên tiến, trang bị đủ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết để thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa việc nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia”.*  **- Điều 62**. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia:*“1. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia phải phù hợp với yêu cầu công nghệ bảo quản và đặc thù của mỗi loại hàng dự trữ quốc gia”.*  Theo quy định trên thì: (+) Đơn vị đủ điều kiện được thuê bảo quản cần có kho tàng bảo quản phù hợp với yêu cầu kỹ thuật hàng DTQG; (+) Kho bảo quản cần phù hợp với yêu cầu công nghệ và đặc thù hàng dự trữ; (+) Trong quá trình bảo quản, trường hợp hao hụt giảm so với định mức thì được quan tâm và trích thưởng. Do vậy, để các đơn vị nhận thuê bảo quản có kho tàng, công nghệ bảo quản phù hợp với đặc thù của mỗi loại hàng hóa, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu; cần thiết bổ sung quy định có công nghệ bảo quản phù hợp và đồng thời quan tâm đến tỷ lệ hao hụt thấp và có thể giảm so với định mức; góp phần đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả trong thuê bảo quản hàng DTQG và công bằng trong đấu thầu. | **Điều 4. Lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1.Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định lựa chọn số lượng tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia nêu tại khoản 3 Điều này theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Dự trữ quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành.  2. Đối với mỗi gói thầu thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt; trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo. Việc thanh toán theo từng năm được thực hiện sau khi dự toán năm được phê duyệt và theo quy định của pháp luật.  Chủ đầu tư được tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm này để thuê bảo quản cho các năm tiếp theo nhằm bảo đảm việc cung ứng dịch vụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia không bị gián đoạn.  3. Tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện đã được quy định tại Điều 53 Luật Dự trữ quốc gia còn phải đáp ứng được các tiêu chí sau đây:  a) Có địa điểm kho chứa hàng dự trữ quốc gia phù hợp với quy hoạch kho chứa hàng dự trữ quốc gia theo các vùng chiến lược; đồng thời phải thuận tiện cho công tác bảo quản, nhập, xuất, xuất cấp khi có quyết định của cấp có thẩm quyền;  b) Có đủ năng lực, điều kiện để thực hiện công tác luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia;  c) Có đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, cần thiết phục vụ cho công tác nhập, xuất, bảo quản, an ninh, phòng chống thiên tai, hỏa hoạn và mọi sự xâm hại khác; phù hợp với tính chất lý, hóa của từng loại hàng; phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, miền và yêu cầu khác của công tác bảo quản;  d) Có công nghệ bảo quản phù hợp; có tỷ lệ hao hụt trong bảo quản thấp và không vượt quá định mức hao hụt theo quy định của pháp luật (nếu có); đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả trong thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. |
| 3.5 | **Điều 5. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được lập thành văn bản và có các nội dung chính sau đây:  a) Căn cứ pháp lý;  b) Chủ thể của Hợp đồng;  c) Danh mục, chủng loại mặt hàng; số lượng; giá trị hàng dự trữ quốc gia thuê bảo quản;  d) Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa; địa điểm để hàng; thời gian bảo quản, thời gian xuất luân phiên đổi hàng và hao hụt trong bảo quản (theo định mức);  đ) Các điều kiện bảo đảm về kho chứa, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý bảo quản;  e) Chi phí thuê bảo quản; hồ sơ và phương thức thanh toán;  g) Trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi bên trong việc thực hiện hợp đồng bảo quản;  h) Quy định về kiểm tra, kiểm soát;  i) Giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng và một số quy định khác do hai bên thỏa thuận.  2. Căn cứ để ký Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia  a) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao chỉ tiêu kế hoạch dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch; số lượng hàng dự trữ quốc gia tồn kho đầu năm;  b) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia;  c) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia (nếu có). Định mức kinh tế - kỹ thuật về nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia (nếu có) hoặc tổng dự toán phí nhập, xuất, bảo quản được phê duyệt;  d) Quyết định của Thủ trưởng bộ, ngành về giao kế hoạch nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia cho đơn vị;  đ) Quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu thuê bảo quản của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia;  3. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được ký kết giữa Thủ trưởng (hoặc người đại diện hợp pháp) của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia (gọi tắt là bên A) với người đại diện hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Thông tư này (gọi tắt là bên B). Thời hạn của Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định cho phù hợp với thời gian bảo quản của từng mặt hàng. Hàng năm (trước ngày 25/02), hai bên tiến hành rà soát Hợp đồng, trường hợp có phát sinh làm thay đổi nội dung Hợp đồng (tăng, giảm lượng, thay đổi địa điểm bảo quản, Quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia...), hai bên tiến hành ký phụ lục bổ sung của Hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng, tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định của pháp luật.  Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) để theo dõi, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.  4. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được lập theo mẫu kèm theo Thông tư này. | **Về Điều 5**  **1. Căn cứ pháp lý;**  - Căn cứ Luật DTQG; Luật Đấu thầu (Điều 2); - Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Điều 11); Mẫu hợp đồng số 18 **2. Nội dung rà soát Điều 5**  - Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 quy định: “*Điều 11. Thông tin chủ yếu của hợp đồng quy định: 1. Thông tin chủ yếu của hợp đồng gồm: số hiệu hợp đồng, chủ thể hợp đồng, giá hợp đồng, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu, thời gian thực hiện hợp đồng (là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng), thời điểm hợp đồng bắt đầu có hiệu lực, danh sách nhà thầu phụ (nếu có), phạm vi công việc của hợp đồng, các thông tin khác (nếu có).”*  Tại Mẫu số 18 quy định về *mẫu Hợp đồng* ký kết giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để các đơn vị thống nhất áp dụng khi thực hiện; cụ thể: (i) Phần căn cứ hợp đồng: Căn cứ quy định của của pháp luật liên quan; căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. (ii) Phần nội dung mẫu hợp đồng đã quy định rất chi tiết về: đối tượng, thành phần của hợp đồng, trách nhiệm của các bên liên quan, giá và phương thức thanh toán, loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng, hiệu lực của hợp đồng.  - Việc thuê bảo quản hàng DTQG phải thực hiện đấu thầu; nhà thầu trúng thầu sẽ được ký kết hợp đồng thuê bảo quản theo quy định. Do đó, việc quy định hàng năm thực hiện rà soát hợp đồng để tiếp tục ký phụ lục bổ sung (tại Khoản 3 Điều 5) là không phù hợp theo quy định của Luật đấu thầu mới.  - Ngoài ra, việc quy định mẫu hợp đồng trong Thông tư 172 được ban hành trước thời điểm luật đấu thầu năm 2013 có hiệu lực; đến nay không còn phù hợp.  (\*) Như vậy, quy định về hợp đồng thuê bảo quản tại Thông tư số 172/2013/TT-BTC và mẫu Hợp đồng tại Thông tư 172 là không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; cần sửa đổi, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về Đấu thầu đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật về DTQG.  **3. Nội dung đề xuất:**  - Căn cứ quy định của Luật DTQG (Điều 16; Điều 19 và Điều 52):  + Bộ, ngành quản lý hàng DTQG chỉ đạo các đơn vị DTQG trực thuộc thực hiện kế hoạch DTQG; ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng DTQG theo quy định của pháp luật, được quy định tại “*Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia: …2. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia; ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật. 3. Báo cáo công tác quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”*  + Trách nhiệm của các *tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản* được quy định tại Điều 19 như sau: “*1. Trực tiếp bảo quản hàng dự trữ quốc gia bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại và tại các địa điểm theo đúng hợp đồng đã ký. 2. Thực hiện nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia kịp thời theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 3. Thực hiện luân chuyển, hoán đổi hàng dự trữ quốc gia cũ, mới phải cùng chủng loại, số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật. 4. Thực hiện báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho hàng dự trữ quốc gia cho cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách và bộ, ngành thuê bảo quản.”*  + Tại Điều 52. Trách nhiệm bảo quản hàng dự trữ quốc gia quy định*: “2. Thủ tưởng bộ, ngành có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, kiểm tra bảo quản hàng DTQG; kịp thời ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo quản hàng dự trữ quốc gia; 3. Thủ tưởng đơn vị trực tiếp quản lý hàng DTQG và người trực tiếp quản lý, bảo quản hàng DTQG chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng DTQG được giao”*  - Căn cứ quy định của Luật Đấu thầu (Điều 2); và Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 (Điều 11 và Mẫu hợp đồng số 18) nêu trên.  (1) Theo quy định của pháp luật về Đấu thầu, pháp luật về DTQG: (i) Mẫu hợp đồng thuê bảo quản được pháp luật về Đấu thầu quy định; (ii) Bộ, ngành, đơn vị dự trữ quốc gia có thẩm quyền ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng DTQG theo quy định của pháp luật; (iii) Tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản trực tiếp bảo quản hàng DTQG theo đúng hợp đồng đã ký với bộ, ngành; (iv) Thực hiện nhập, xuất, luân chuyển, hoán đổi hàng dự trữ quốc gia cũ, mới phải cùng chủng loại, số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật; (v) Thủ tưởng bộ ngành có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, kiểm tra công tác bảo quản hàng DTQG.  Bên cạnh đó, đề đảm bảo chặt chẽ trong công tác bảo quản; công tác quản lý, điều hành; gắn trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát, trách nhiệm thực hiện hợp đồng bảo quản của các bên liên quan; cần thiết quy định việc luân chuyển, hoán đổi (nếu có phát sinh) tại hợp đồng thuê bảo quản được ký kết giữa Bộ ngành và Doanh nghiệp, hao hụt trong quá trình bảo quản; phạt vi phạm hợp đồng (nếu có); cam kết của các bên thực hiện hợp đồng thuê bảo quản theo đúng quy định của pháp luật DTQG.  (2) Đề xuất nội dung Điều 5 hoàn thiện như sau:  *“Điều 5. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia*  *1. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.*  *2. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia cần nêu rõ các các nội dung: Thời gian thuê bảo quản, số lượng hàng dự trữ quốc gia thuê bảo quản; luân chuyển, hoán đổi (nếu có); hao hụt trong quá trình bảo quản; phạt vi phạm hợp đồng (nếu có); trách nhiệm, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện hợp đồng bảo quản; cam kết giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia về thực hiện quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật dự trữ quốc gia.”* | **Điều 5. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.  2. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia cần nêu rõ các các nội dung: Thời gian thuê bảo quản, số lượng hàng dự trữ quốc gia thuê bảo quản; luân chuyển, hoán đổi (nếu có); hao hụt trong quá trình bảo quản; phạt vi phạm hợp đồng (nếu có); trách nhiệm, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện hợp đồng bảo quản; cam kết giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia về thực hiện quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật dự trữ quốc gia. |
| 3.6 | **Điều 6. Kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Kinh phí chi cho công tác thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia từ nguồn dự toán kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia (chi sự nghiệp kinh tế) được giao hàng năm của các bộ, ngành.  2. Kinh phí chi cho công tác thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải được quản lý chặt chẽ theo dự toán, theo định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc theo chế độ khoán; sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và phải được hạch toán kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.  3. Nguyên tắc chi, nội dung chi, mức chi, cấp kinh phí, hồ sơ cấp kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia và khoán chi phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về kế hoạch dự trữ quốc gia và ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia. | **Về Điều 6**  **1. Cơ sở pháp lý;**  - Căn cứ Luật DTQG (Điều 28 và Điều 31)  - Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Điều 14, Điều 29, Điều 43)  - Căn cứ Luật Đấu thầu (Điều 2, Điều 37, Điều 39)  *-* Căn cứ Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.  **2. Vướng mắc trong quá trình thực hiện:**  - Tại Điều 6 Thông tư số 172/2013/TT-BTC đã hướng dẫn về Kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Điều 31. Luật DTQGquy định về Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia; Trong đó, tại Khoản 1 Điều 6 quy định “*Kinh phí chi cho công tác thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia ... được giao theo năm tài chính của các bộ, ngành*”.  Hàng năm, để đảm bảo kinh phí và nguồn vốn theo quy định thì các bộ, ngành phải tổ chức đấu thầu hàng năm để thuê đơn vị bảo quản và ký kết hợp đồng bảo quản có thời hạn hợp đồng không quá 12 tháng; sau khi hết thời hạn sẽ thanh lý hợp đồng và đấu thầu lại. Trong khi thực tế có một số mặt hàng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải được bảo quản với thời hạn trên 01 năm hoặc còn tồn kho chưa xuất cấp hết trong năm kế hoạch sẽ tiếp tục được luân phiên đổi hàng và bảo quản trong những năm tiếp theo; việc phải tổ chức đấu thầu như vậy sau khi hết năm ngân sách dẫn đến một số bất cập như: Công tác bảo quản hàng DTQG sẽ bị gián đoạn, không liên tục; tăng khối lượng công việc, phải thay đổi kho bảo quản, phát sinh chi phí chuyển hàng sang kho mới khi có thay đổi đơn vị cung cấp dịch vụ bảo quản trong năm tiếp theo; có nguy cơ ảnh hưởng đến việc đảm bảo an toàn cho hàng DTQG trong quá trình bảo quản.  - Hiện nay, khi Luật Đấu thầu 2023 ban hành (tại các Điều 2; 37; 49) và tại Nghị định số 24 (Điều 16) có quy định *việc xác định nguồn vốn trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo; chủ đầu tư được tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm này để mua sắm cho các năm tiếp theo nhằm bảo đảm việc cung ứng dịch vụ không bị gián đoạn; văn bản trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải dự kiến dự toán mua sắm cho các năm sau làm cơ sở lập giá gói thầu*. Điều này đã góp phần tháo gỡ vướng mắc của các Bộ ngành trong thời gian qua khi triển khai đấu thầu thuê bảo quản.  Do đó, cần thiết rà soát, nghiên cứu sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư 172 cho phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu, về DTQG, về NSNN.  **3. Nội dung đề xuất và giải trình cụ thể:**  **(1)** **Bổ sung** nội dung quy định tại Koản 1 Điều 6 hướng dẫn việc lập dự toán ngân sách chi cho thuê bảo quản hàng DTQG: *“1. Kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia (chi các hoạt động kinh tế) của các bộ, ngành; được lập trong dự toán ngân sách nhà nước và được giao hàng năm cho các bộ, ngành theo quy định của pháp luật”*  *Lý do:* Thông tư số 172 được ban hành năm 2013; sau đó Luật NSNN và Luật Đấu thầu có thay đổi. Cần thiết sửa đổi đảm bảo phù hợp với quy định của Luật DTQG (Điều 28; Điều 31), Luật NSNN (Điều 29, Điều 43) và Luật Đấu thầu (Điều 37, Điều 39);đảm bảo nguồn kinh phí NSNN luôn được bố trí phù hợp với thời gian thuê bảo quản theo hợp đồng ký kết kéo dài trên 01 năm (*được lập trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và được giao hàng năm*) và phù hợp với thực tiễn thực hiện đấu thầu thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia; việc thực hiện hợp đồng thuê bảo quản được liên tục, công tác bảo quản hàng DTQG không bị gián đoạn và theo quy định của pháp luật hiện hành:  **-** **Điều 28** Luật DTQG quy định: “*1. Ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật NSNN và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm....”*  - **Điều 31**. Luật DTQG quy định về *Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia: “1. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia bao gồm: chi cho hoạt động của bộ máy quản lý; chi hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia; chi nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ bảo quản…2. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia của bộ, ngành, đơn vị dự trữ quốc gia được thực hiện theo kế hoạch, dự toán, định mức, hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia và theo chế độ quản lý tài chính, ngân sách hiện hành. 3. Chi phí nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo chế độ khoán. 4. Chi phí nhập, xuất cấp hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ được Bộ Tài chính cấp theo dự toán được phê duyệt. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ  thuật, hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia, lập dự toán chi cho việc nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt trước khi thực hiện; trường hợp chưa được phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng để các cơ quan, đơn vị dự trữ quốc gia triển khai thực hiện”*  - **Điều 14** Luật Ngân sách Nhà nước ban hành năm 2015 quy định về *Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương: “2. Chi dự trữ quốc gia; 3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quang ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trong các lĩnh vực:.... k) Các hoạt động kinh tế:... chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia do nhà nước thực hiện...”*  **-** **Điều 29** Luật NSNN quy định: “Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương thực hiện: *Lập dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cơ quan mình; phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan trong quá trình tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương hàng năm, kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm….”*  **-** **Điều 43** Luật NSNN quy định về “K*ế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm: Là kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước được lập hằng năm cho thời gian 03 năm, trên cơ sở kế hoạch tài chính 05 năm, được lập kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu. Kế hoạch này được lập cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực và từng nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách cho từng lĩnh vực trong trung hạn.”*  **+ Điều 37**. Luật đấu thầu quy định: “*Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm. Đối với dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể được lập trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo… 2. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu, giá gói thầu trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu…”.*  - **Điều 39.** Luật đấu thầu quy định: *“Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 1. Tên gói thầu:… 2. Giá gói thầu:… 3. Nguồn vốn: Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt… Đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo.”*  **(2) Sửa đổi bổ sung** khoản 2 Điều 6: Khoản 2 và Khoản 3 Điều 6 Thông tư 172 từ khi xây dựng, thực hiện đến nay chưa có phát sinh vướng mắc; tuy nhiên qua rà Luật DTQG, đề xuất bổ sung thêm nội dung đảm bảo đầy đủ theo quy định cụ thể như sau:  *“2. Kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải được thực hiện và quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật về Dự trữ quốc gia, về Ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan, trong đó:*  *a. Thực hiện theo kế hoạch, dự toán, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, hợp đồng thuê bảo quản hoặc theo chế độ khoán;*  *b. Sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và phải được hạch toán kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.*  *c. Nguyên tắc chi, nội dung chi, mức chi, cấp kinh phí, hồ sơ cấp kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia và khoán chi phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của của pháp luật hiện hành.”*  *Lý do:* Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hiện hành đã có quy định, hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập dự toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước. Do đó, tại Khoản 2 Tổng cục đề xuất dẫn chiếu thực hiện theo quy định của pháp luật.  Gộp khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Thông tư 172 thống nhất thành 01 nội dung, đảm bảo tính logic theo trình tự: Lập dự toán ngân sách chi cho thuê bảo quản – nguồn dự toán chi – quản lý sử dụng dự toán – quy định nguyên tắc thực hiện.  Bên cạnh đó, kế thừa và có sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 6 Thông tư 172 nội dung quy định kinh phí thể bảo quản phải được quản lý theo “*kế hoạch,….định mức chi phí,…. hợp đồng thuê bảo quản”* phủ hợp với quy định tại Điều 31 Luật DTQG. | **Điều 6. Kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia (chi các hoạt động kinh tế) của các bộ, ngành; được lập trong dự toán ngân sách nhà nước và được giao hàng năm cho các bộ, ngành theo quy định của pháp luật.  2. Kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải được thực hiện và quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật về Dự trữ quốc gia, về Ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan, trong đó:  a. Thực hiện theo kế hoạch, dự toán, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, hợp đồng thuê bảo quản hoặc theo chế độ khoán;  b. Sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và phải được hạch toán kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.  c. Nguyên tắc chi, nội dung chi, mức chi, cấp kinh phí, hồ sơ cấp kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia và khoán chi phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của của pháp luật hiện hành. |
| 3.7 | **Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Trực tiếp bảo quản hàng dự trữ quốc gia; hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ riêng, đúng địa điểm quy định; bảo đảm an toàn, đầy đủ về số lượng; đảm bảo chất lượng; sắp xếp, bảo quản theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và Định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia. Thực hiện luân chuyển, hoán đổi, nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đảm bảo đúng chủng loại, số lượng, giá trị, chất lượng theo quy định của pháp luật.  2. Thực hiện kế hoạch nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia kịp thời theo đúng quyết định của cấp có thẩm quyền.  3. ~~Có biện pháp~~ bảo vệ chặt chẽ, an toàn, giữ gìn bí mật hàng dự trữ quốc gia; thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.  4. Lập đầy đủ hồ sơ, chứng từ, sổ sách để hạch toán, theo dõi số lượng, chất lượng, giá trị và diễn biến trong quá trình nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, gồm: sổ kế toán, thẻ kho; sổ kho; sổ theo dõi bồn, bể; phiếu kiểm nghiệm chất lượng, nhật ký bảo quản.  5. Trong quá trình bảo quản hàng dự trữ quốc gia nếu để hàng bị hư hỏng, giảm chất lượng, hao hụt quá định mức do nguyên nhân chủ quan hoặc sử dụng hàng dự trữ quốc gia sai mục đích, phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật; trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì được trích thưởng theo quy định của Chính phủ; nếu phát hiện hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng phải có biện pháp phục hồi hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép xuất bán để tránh thiệt hại.  6. Thực hiện tổng hợp, báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho; tình hình thực hiện kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quý và theo năm gửi bộ, ngành thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia trước ngày 10 tháng đầu quý sau (đối với báo cáo quý), trước ngày 15/01 năm sau (đối với báo cáo năm). | **Về Điều 7**  **1. Cơ sở pháp lý:**  - Căn cứ Luật DTQG (Điều 16; Điều 19; Điều 24; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37, Điều 51; Điều 52; Điều 54);  *“****Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia****:…2. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia; ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật. 3. Báo cáo công tác quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.*  ***Điều 19****.* ***Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản***  *1. Trực tiếp bảo quản hàng dự trữ quốc gia bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại và tại các địa điểm theo đúng hợp đồng đã ký.*  *2. Thực hiện nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia kịp thời theo quyết định của cấp có thẩm quyền.*  *3. Thực hiện luân chuyển, hoán đổi hàng dự trữ quốc gia cũ, mới phải cùng chủng loại, số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật.*  *4. Thực hiện báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho hàng dự trữ quốc gia cho cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách và bộ, ngành thuê bảo quản.”*  ***Điều 22. Các hành vi bị cấm****: “…7. Nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia không đúng thẩm quyền, không đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, địa điểm….9. Thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về kế toán, thống kê trong hoạt động dự trữ quốc gia. 10. Thuê tổ chức, doanh nghiệp không đủ điều kiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia.”*  ***Điều 33. Nguyên tắc nhập, xuất hàng DTQG:*** *Việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: 1. Đúng kế hoạch, thẩm quyền; 2. Đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, giá, địa điểm; bảo đảm kịp thời, an toàn; đúng thủ tục nhập, xuất theo quy định của pháp luật.*  ***Điều 51. Nguyên tắc bảo quản hàng dự trữ quốc gia***  *1. Hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ riêng đúng địa điểm quy định, bảo quản theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm về số lượng, chất lượng, an toàn.*  *2. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia nếu hao hụt quá định mức theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản phải bồi thường đối với số lượng hao hụt quá định mức đó; trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì đơn vị, cá nhân được trích thưởng theo quy định của Chính phủ.*  *3. Hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng trong quá trình bảo quản phải được phục hồi hoặc xuất bán kịp thời để hạn chế thiệt hại. Trường hợp hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng do nguyên nhân khách quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản không phải bồi thường; trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.*  ***Điều 52. Trách nhiệm bảo quản hàng DTQG***  *1. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.*  *2. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, kiểm tra bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kịp thời ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo quản hàng dự trữ quốc gia.*  *3. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia và người trực tiếp quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia được giao….*  ***Điều 54. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế- kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia***  *1. Cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan kiểm tra việc áp dụng; rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia phù hợp với mặt hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.*  *2. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia để xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách****, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia****. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.*  - Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 **(Khoản 3 Điều 19**): “*3. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Thủ trưởng cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách xem xét, phê duyệt khoản trích thưởng do thực hiện bảo quản hao hụt dưới định mức quy định của các đơn vị trực thuộc cùng với việc phê duyệt báo cáo quyết toán năm”.*  **2. Vướng mắc trong quá trình thực hiện:**  Điều 7 Thông tư số 172 đã hướng dẫn về Trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia **cơ bản phù hợp** với quy định tại các Điều 19, Điều 22, Điều 33, Điều 37 Luật DTQG quy định về *Nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản; Nguyên tắc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia; Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch, luân phiên đổi hàng DTQG;* tuy nhiên có một số nội dung còn chưa phù hợp:  *-* Tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư số 172 quy định: Tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, trong quá trình bảo quản trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì được trích thưởng theo quy định của Chính phủ;  Tuy nhiên, tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 94/2013/NĐ-CP quy định: “*3. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Thủ trưởng cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách xem xét, phê duyệt khoản trích thưởng do thực hiện bảo quản hao hụt dưới định mức quy định của các đơn vị trực thuộc cùng với việc phê duyệt báo cáo quyết toán năm”.*  Theo quy định này thì trích thưởng giảm hao hụt so với định mức chỉ áp dụng đối với đơn vị dự trữ quốc gia, không áp dụng đối với các doanh nghiệp được thuê bảo quản như quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư 172. Do đó, cần thiết sửa đổi, bỏ nội dung “*trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì được trích thưởng theo quy định của Chính phủ”* cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.  - Ngoài ra, nội dung quy định các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện kế hoạch nhập, xuất, luân chuyển, hoán đổi hàng nêu tại Điều 7 chưa đầy đủ theo quy định của Luật DTQG (Điều 16, Điều 19, Điều 33, Điều 37): Thủ tưởng bộ, ngành quản lý hàng DTQG: tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia được Thủ tướng Chính phủ quyết định; tổ chức chỉ đạo các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc thực hiện kế hoạch DTQG; ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng DTQG theo quy định của pháp luật. Đơn vị được thuê bảo quản có nhiệm vụ quyền hạn thực hiện nhập, xuất, mua, bán hàng DTQG kịp thời theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đúng nguyên tắc nhập, xuất; thực hiện luân chuyển hàng DTQG cũ, mới phải cùng chủng loại, số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật.  Do đó cần bổ sung hoàn thiện cho đầy đủ theo quy định của Luật DTQG.  **3. Nội dung đề xuất và giải trình cụ thể:**  Căn cứ quy định của pháp luật về DTQG nêu trên; đề xuất sửa đổi bổ sung nội dung Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia như sau:  **(1) Đề xuất sửa đổi, bổ sung:**  **- Tên Điều 7 sửa đổi thành:** *“Điều 7. Nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia”*  Để phù hợp với nội dung hướng dẫn, đồng thời phù hợp với Điều 19. Luật Dự trữ quốc gia quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản  **-** Đối với nội dung **khoản 1, khoản 2 và khoản 3** Điều 7 của Thông tư 172: Về cơ bản nội dung hướng dẫn chủ yếu đã được quy định tại Điều 19 của Luật DTQG; một số nội dung khác quy định tại Điều 33, 51, 52, 54 Luật DTQG và Điều 19 Nghị Định 94/2013/NĐ-CP; do đó đề xuất:  **+ Sửa đổi** nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Thông tư 172 như sau: *“1. Tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia có nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Điều 19. Luật Dự trữ quốc gia.”*  + **Kế thừa** khoản 3 của Thông tư 172 **và có bổ sung** hướng dẫn thêm cho đầy đủ theo quy định của Luật DTQG (Điều 51, 52, 54) như sau: *“2. Hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ riêng; bảo quản theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia; đảm bảo về số lượng, chất lượng, an toàn, giữ gìn bí mật theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.”*  **- Kế thừa** khoản 4 Điều 7 của Thông tư 172 do từ khi ban hành đến nay, không phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; **có bổ sung** hướng dẫnthêm “phiếu kiểm tra” và “các tài liệu khác có liên quan” đảm bảo hồ sơ đầy đủ, chặt chẽ hơn: *“3. Lập đầy đủ hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán để ghi chép, theo dõi số lượng, chất lượng, giá trị và diễn biến trong quá trình nhập, xuất, bảo quản, luân chuyển, hoán đổi hàng dự trữ quốc gia, gồm: thẻ kho, sổ kho, sổ kế toán, sổ theo dõi bồn, bể; phiếu kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng, nhật ký bảo quản và các tài liệu khác có liên quan”.*  - Đề xuất **sửa đổi** nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư 172 và sắp xếp lại thành khoản 4 Điều 7 dự thảo như sau:*“4. Trong quá trình bảo quản hàng dự trữ quốc gia, nếu hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng phải có biện pháp phục hồi hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép xuất bán để hạn chế thiệt hại; nếu để hàng bị hư hỏng, giảm chất lượng, hao hụt quá định mức do nguyên nhân chủ quan hoặc sử dụng hàng dự trữ quốc gia sai mục đích, phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của hợp đồng và của pháp luật”*  **(2) Đề xuất bỏ các nội dung**:  - Bỏ nội dung “…*trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì được trích thưởng theo quy định của Chính phủ”* và **bổ sung cụm từ “*của hợp đồng”*** tại Khoản 5 Điều 7 cho đầy đủ; đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 94/2013/NĐ-CP: Trích thưởng giảm hao hụt so với định mức áp dụng đối với đơn vị dự trữ quốc gia; không áp dụng đối với các doanh nghiệp được thuê bảo quản như quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư 172*.* Đối với việc xử lý bồi thường thiệt hại là một nội dung không thể thiếu quy định trong hợp đồng ký kết giữa các bên liên quan.  Sửa đổi cụm từ “tránh thiệt hại” thành “*hạn chế thiệt hại*” theo quy định tại Điều 51 Luật DTQG.  **-** **Bỏ** khoản 6 Điều 7 của Thông tư 172: *“5. Thực hiện tổng hợp, báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho; tình hình thực hiện kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quý và theo năm gửi bộ, ngành thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia trước ngày 10 tháng đầu quý sau (đối với báo cáo quý), trước ngày 15/01 năm sau (đối với báo cáo năm)”.*  Lý do:  + Tại Khoản 4 Điều 19. Luật DTQG quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản: *“4. Thực hiện báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho hàng dự trữ quốc gia cho cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách và bộ, ngành thuê bảo quản”*  + Và Tại Điều 7 của dự thảo Thông tư đã quy định rõ: “*1. Tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia có nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Điều 19. Luật Dự trữ quốc gia”*.  + Bên cạnh đó,chế độ báo cáo hiện nay các đơn vị liên quan đang áp dụng triển khai thực hiện theo quy định tại các thông tư hướng dẫn thi hành Luật DTQG:(i) Báo cáo số lượng và giá trị hàng nhập, xuất, tồn kho; báo cáo tiếp nhận, sử dụng hàng DTQG theo quý, năm quy định tại Thông tư 130/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia; (ii) Báo cáo tổng hợp kết quả xuất cấp, kết quả phân phối sử dụng hàng DTQG để cứu trợ, hỗ trợ; báo cáo đột xuất theo yêu cầu, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng DTQG để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí dảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ; hỗ trợ; viện trợ; (iii) Báo cáo công tác quản lý chất lượng theo quý, năm được quy định tại Thông tư 130/2014/TT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia; (iv) Báo cáo thống kê nhập, xuất tồn kho hàng DTQG và các báo cáo đột xuất thực hiện theo Thông tư số 145/2013/TT-BTC ngày 21/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về kế hoạch dự trữ quốc gia và ngân sách nhà nước chi cho DTQG. (v) Báo cáo quyết toán thực hiện theo Chế độ kế toán DTQG… và những báo cáo đột xuất cấp bách khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.  + Ngoài ra, tại Điều 5, Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về CĐBC của cơ quan hành chính nhà nước quy định: *“Điều 5. Nguyên tắc chung về việc ban hành chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước:…. 3. Chế độ báo cáo chỉ được ban hành khi thật sự cần thiết để phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.”*  Do đó, sau khi rà soát nhận thấy nhiệm vụ “báo cáo” đã được quy định tại khoản 1 Điều 7 của dự thảo và các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật DTQG; nội dung báo cáo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Thông tư 172 là không cần thiết, đề nghị bỏ. | **Điều 7. Nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia có nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Điều 19. Luật Dự trữ quốc gia  2. Hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ riêng; bảo quản theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia; đảm bảo về số lượng, chất lượng, an toàn, giữ gìn bí mật theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.  3. Lập đầy đủ hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán để ghi chép, theo dõi số lượng, chất lượng, giá trị và diễn biến trong quá trình nhập, xuất, bảo quản, luân chuyển, hoán đổi hàng dự trữ quốc gia, gồm: thẻ kho, sổ kho, sổ kế toán, sổ theo dõi bồn, bể; phiếu kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng, nhật ký bảo quản và các tài liệu khác có liên quan.  4. Trong quá trình bảo quản hàng dự trữ quốc gia, nếu hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng phải có biện pháp phục hồi hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép xuất bán để hạn chế thiệt hại; nếu để hàng bị hư hỏng, giảm chất lượng, hao hụt quá định mức do nguyên nhân chủ quan hoặc sử dụng hàng dự trữ quốc gia sai mục đích, phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của hợp đồng và của pháp luật. |
| 3.8 | **Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ của bộ, ngành ký Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Kiểm tra thường xuyên, đột xuất đối với tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia về số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia; về kho chứa hàng; công tác bảo vệ, bảo quản an toàn số lượng, chất lượng hàng; việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Định mức kinh tế - kỹ thuật; việc thực hiện nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia và xuất luân phiên đổi hàng theo quyết định của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia.  2. Tổ chức xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia của tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng bảo quản và chịu trách nhiệm về quyết toán đã được duyệt; tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính thẩm định và tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định.  3. Báo cáo công tác quản lý, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia và tình hình thực hiện Hợp đồng thuê bảo quản của năm trước gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng đầu quý sau (đối với báo cáo quý), trước ngày 25/01 năm sau (đối với báo cáo năm) đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | **Về Điều 8**  **1. Cơ sở pháp lý:** Luật DTQG quy định  **- Điều 15.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy định: *“1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với dự trữ quốc gia. 2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm, hằng năm về dự trữ quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ. 3. Phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu để Chính phủ trình Quốc hội quyết định phương án phân bổ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm; phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ mức bổ sung ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hàng năm (nếu có) trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định”.*  **- Điều 16.** Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng DTQG, quy định: *“…. 2. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia; ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật. 3. Báo cáo công tác quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”*  **- Điều 32.** Cơ chế tài chính; chế độ kế toán, kiểm toán; chế độ thống kê, báo cáo về dự trữ quốc gia quy định: *“1. Cơ chế tài chính đối với dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động dự trữ quốc gia, gửi Bộ Tài chính kiểm tra, thẩm định, tổng hợp, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt. Sau khi được Quốc hội phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán và Bộ Tài chính thực hiện phân bổ cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia. 2. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, đơn vị dự trữ quốc gia và tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, thống kê, kiểm toán và chế độ báo cáo về dự trữ quốc gia. 3. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, duyệt quyết toán ngân sách nhà nước đã cấp cho đơn vị bảo quản hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết toán đã được duyệt; tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính. Bộ Tài chính thẩm định, tổng hợp quyết toán về dự trữ quốc gia, báo cáo Chính phủ. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước về dự trữ quốc gia phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.”*  **2. Nội dung rà soát và giải trình cụ thể:**  Tại Điều 8 Thông tư số 172/2013/TT-BTC đã hướng dẫn về Trách nhiệm, nghĩa vụ của bộ, ngành ký Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia **cơ bản là phù hợp** với quy định tại các Điều 16, Điều 32 Luật DTQG quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia; cơ chế tài chính; chế độ kế toán, kiểm toán; chế độ thống kê, báo cáo về dự trữ quốc gia.  Tuy nhiên, sau khi rà soát, căn cứ Điều 15, Điều 16 và Điều 32 của Luật DTQG, đề xuất sửa đổi những nội dung hướng dẫn không phù hợp với quy định của Luật DTQG như:  (i) Bỏ quy định bộ ngành báo cáo về tình hình thực hiện Hợp đồng thuê bảo quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư do Luật DTQG (Điều 15) không quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý công tác thuê bảo quản hàng DTQG;  (ii) Việc tổ chức xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí thuê bảo quản, kinh phí nhập, xuất, bảo quản là nhiệm vụ của Bộ, ngành đối với các đơn vị thuộc trực thuộc Bộ, ngành và các tổ chức doanh nhiệp ký hợp đồng thuê bảo quản; tùy theo chức năng nhiệm vụ bộ ngành phân công cho các đơn vị liên quan trong công tác thuê bảo quản hàng DTQG. Do vậy, việc quy định xét duyệt quyết toán kinh phí chỉ thực hiện đối với “…tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng bảo quản” là chưa đầy đủ, chưa bao quát, cần điều chỉnh sửa đổi.  (iii) Hoàn thiện tên tiêu đề của Điều 8 thay từ “Trách nhiệm, nghĩa vụ” thành “*Nhiệm vụ, quyền hạn*” cho phù hợp quy định tại Điều 16 Luật DTQG quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng DTQG.  **3. Đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Điều 8 như sau:**  **(1)** Tại khoản 1 Điều 8: Trong quá trình thực hiện Thông tư 172 không có phát sinh vướng mắc. Do đó đề xuất **Kế thừa** khoản 3 của Thông tư 172 và **có chỉnh sửa câu từ** tránh trùng lắp trong cùng một nội dung: *“Kiểm tra thường xuyên, đột xuất đối với tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia về số lượng, chất lượng, kho chứa hàng; công tác bảo vệ, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Định mức kinh tế - kỹ thuật; việc thực hiện nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia”.*  **(2) Đề nghị sửa đổi** khoản 3 Điều 8 Thông tư 172 thành khoản 2 Điều 8 như sau; “*2. Thực hiện Báo cáo công tác quản lý, nhập, xuất, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia”.*  Lý do:  - Tại Điều 16 Luật DTQG quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng DTQG: *“….3. Báo cáo công tác quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”*  - Về chế độ báo cáo hiện nay các bộ ngành trực tiếp quản lý hàng DTQG đang áp dụng triển khai thực hiện theo quy định tại các thông tư hướng dẫn thi hành Luật DTQG gồm: *Thông tư 130/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia; Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng DTQG để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí dảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ; hỗ trợ; viện trợ; Thông tư 130/2014/TT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia; Thông tư số 145/2013/TT-BTC ngày 21/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về kế hoạch dự trữ quốc gia và ngân sách nhà nước chi cho DTQG; Báo cáo quyết toán thực hiện theo Chế độ kế toán DTQG. (như đã báo cáo ở Điều 7)*  - Tại Điều 15 Luật DTQG không quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý công tác thuê bảo quản hàng DTQG. Do đó, việc quy định bộ ngành báo cáo về tình hình thực hiện Hợp đồng thuê bảo quản gửi Bộ KH&ĐT là không phù hợp;  - Ngoài ra, tại Điều 5, Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về CĐBC của cơ quan hành chính nhà nước quy định: *“Điều 5. Nguyên tắc chung về việc ban hành chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước:…. 3. Chế độ báo cáo chỉ được ban hành khi thật sự cần thiết để phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.”*  Sau khi rà soát nhận thấy nội dung quy định báo cáo về công tác quản lý, bảo quản, nhập, xuất, sử dụng hàng DTQG của các bộ, ngành trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo quy định của Luật DTQG và các thông tư hướng dẫn thi hành đang áp dụng. Do đó, đề xuất sửa đổi, hoàn thiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 cho phù hợp, tránh chồng chéo*.*  (3) **Bỏ khoản 2 Điều 8** Thông tư 172 **quy định nội dung liên quan đến quyết toán kinh phí. Lý do:** Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hiện hành đã có quy định cụ thể về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các cấp ngân sách trong quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước. Do đó, việc quy định nội dung này tại Thông tư là không cần thiết.  (4) Căn cứ Điều 16 Luật DTQG quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng DTQG; đề xuất hoàn thiện tên tiêu đề của Điều 8 thay từ “Trách nhiệm, nghĩa vụ” thành “*Nhiệm vụ, quyền hạn*” cho phù hợp. | **Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia**  1. Kiểm tra thường xuyên, đột xuất đối với tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia về số lượng, chất lượng, kho chứa hàng; công tác bảo vệ, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Định mức kinh tế - kỹ thuật; việc thực hiện nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia.  2. Thực hiện Báo cáo công tác quản lý, nhập, xuất, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia |
|  | **CHƯƠNG III**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **CHƯƠNG III**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **CHƯƠNG III**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** |
| 3.9 | **Điều 9. Xử lý chuyển tiếp**  Đối với các tổ chức, doanh nghiệp hiện đang được các bộ, ngành giao bảo quản hàng dự trữ quốc gia, đến thời điểm Thông tư có hiệu lực nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này thì Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia thực hiện ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.  Trường hợp không đủ điều kiện để ký Hợp đồng thuê bảo quản hoặc không có nhu cầu nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tiếp tục giao cho các tổ chức, doanh nghiệp này bảo quản hàng dự trữ quốc gia đến hết quý II/2014. Nếu hết quý II/2014, hàng dự trữ quốc gia bảo quản tại đơn vị này chưa xuất hết thực hiện điều chuyển sang tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Thông tư này**.** | **Về Điều 9, Điều 10, Điều 11**  **1. Cơ sở pháp lý:**  Pháp luật về Dự trữ quốc gia;  Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong đó tại “*Điêu 73. Trình bày quy định chuyển tiếp: Quy định chuyển tiếp được quy định thành điều riêng tại phần cuối của văn bản, được đặt tên là “Quy định chuyển tiếp” hoặc quy định thành khoản riêng tại các điều cần phải có quy định chuyển tiếp hoặc quy định thành khoản riêng tại điều quy định về hiệu lực thi hành*”  **2. Nội dung rà soát:**  *- Điều 9. Xử lý chuyển tiếp:*  Pháp luật DTQG và pháp luật đấu thầu hiện hành quy định “thuê bảo quản hàng DTQG” phải thực hiện thông qua đấu thầu.  Do vậy, việc quy định điều khoản chuyển tiếp tại Điều 9 *“Đối với các tổ chức, doanh nghiệp hiện đang được các bộ, ngành giao bảo quản hàng dự trữ quốc gia, đến thời điểm Thông tư có hiệu lực nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này thì Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng DTQG thực hiện ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.”* là không còn phù hợp với pháp luật đấu thầu, cần sửa đổi.  *- Điều 10. Điều khoản thi hành và Điều 11. Tổ chức thực hiện:* Thay đổi theo Thông tư mới ban hành.  **3. Nội dung đề xuất và giải trình cụ thể:**  Để đảm bảo trong quá trình thực hiện Thông tư ban hành không có vướng mắc khi áp dụng và các đơn vị liên quan thực hiện công tác thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia đúng theo quy định của pháp luật về DTQG, về NSNN và về Đấu thầu; đồng thời duy trì hoạt động bảo quản hàng DTQG liên tục, không bị gián đoạn; đảm bảo về số lượng, chất lượng và đáp ứng được mục tiêu DTQG; đề xuất quy định như sau:  *- Điều 9. Quy định chuyển tiếp:*  “Các hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia đã ký trước ngày thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 172/2023/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia cho đến khi hợp đồng hết hiệu lực”.  *- Điều 10. Hiệu lực thi hành*  “1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ……./2024  2. Thông tư số 172/2023/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành..”  *- Điều 11. Tổ chức thực hiện:* Kế thừa, giữ nguyên nội dung Thông tư 172 | **Điều 9. Quy định chuyển tiếp:**  Các hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia đã ký trước ngày thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 172/2023/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia cho đến khi hợp đồng hết hiệu lực. |
| 3.10 | **Điều 10. Hiệu lực thi hành**  Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 01 năm 2014. | **Điều 10. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ……./2024  2. Thông tư số 172/2023/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. |
| 3.11 | **Điều 11. Tổ chức thực hiện**  Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia căn cứ quy định tại Thông tư này để tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. | **Điều 11. Tổ chức thực hiện**  Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia căn cứ quy định tại Thông tư này để tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. |
| **4.** | ***Nơi nhận***  - Văn phòng Chính phủ;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước, Quốc hội;  - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Sở Tài chính, Kho bạc NN, Cục Thuế, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Công báo;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực;  - Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, TCDT” | **Về Nơi nhận:**  **1. Cơ sở pháp lý:**  Căn cứ Khoản 1, Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 Quy định chi tiết một số biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;  Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-BTC ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Quy chế công tác văn thư của Bộ Tài chính (tiểu mục 9, Phần I, Phục lục I của Quyết định).  **2. Đề xuất** hoàn thiện nội dung “nơi nhận” theo quy định hiện hành. | ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng bí thư;  - Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc;  - Các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Sở Tài chính, Kho bạc NN, Cục Thuế, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;  - Công báo;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;  - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Các Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực  - Lưu: VT, TCDT. |